TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Thanh Bình.**

Ông **Nguyễn Quang Khải.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lò Thị Hoà**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên;

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**; sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt có lý do).*

2. Bị đơn: Anh **Trần Thành T**; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thành T có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 19/5/2017 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh T cắt khẩu và chuyển hẳn lên sinh sống tại nhà của chị N tại địa chỉ Thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh T luôn đánh đập chị N, đã nhiều lần chị N nhịn nhục

nghĩ vì con cái nhưng chị càng cố gắng bao nhiêu thì anh T càng quá đáng bấy nhiêu, ngoài đánh đập chị ra anh T còn nhiều lần đe dọa giết chị N, giam cầm con gái chung của vợ chồng, đe dọa sẽ làm nhục cháu để gây sức ép cho chị, khi Mẹ đẻ của anh T từ Yên Bái lên thăm cháu và đón cháu về quê chơi với Bà vì Bố đẻ của anh T mới chết, thì lúc đó chị N mới dám đến đón con đi ở cùng nơi chị N đang làm việc để nuôi con, anh T luôn luôn đe dọa giết chị, đe dọa làm nhục con gái. Bố mẹ chị Ngoc sau khi chết có để lại thừa kế cho chị tài sản là nhà đất đều đứng tên riêng của chị N, vì phận làm con chị phải có trách nhiệm thờ cúng Bố mẹ cho trọn chữ hiếu vậy mà anh T nhắn tin ngoài chửi chị ra còn vứt bỏ bát hương thờ cúng Bố mẹ chị đã chết (tất cả đều được thể hiện qua các tin nhắn và zalo anh T nhắn tin đe dọa, chửi bới chị, chị đã in ra để nộp cùng đơn khởi kiện làm chứng cứ). Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Trần Thành T.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Tiểu M; sinh ngày 30/10/2017. Nguyện vọng sau khi ly hôn chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 16/02/2023, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Vũ Thị N. Toà án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 90/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tống đạt trực tiếp cho anh Trần Thành T tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh T không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh T từ chối nhận, anh T không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên cho biết anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên nhưng hiện nay anh T đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh T đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên và UBND xã TA, huyện ĐB; Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh T cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải

được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại phiên tòa anh T vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 30/5/2023. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trần Thành T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định.

Tại phiên toà ngày hôm nay chị N có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản chị không yêu cầu Toà án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 16/02/2023 chị Vũ Thị N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đối với anh Trần Thành T có địa chỉ tại Thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Ngày 16/02/2023 chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Trần Thành T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ

điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Trần Thành T có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Như vậy hôn nhân giữa chị N và anh T đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Theo chị N cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, luôn đánh đập chị N, ngoài ra anh T còn nhiều lần đe dọa giết chị và giam cầm con gái của anh chị trong nhà nhiều ngày, nhắn tin đe dọa chị N sẽ làm nhục cháu bé để gây sức ép cho chị N, sau đó Mẹ đẻ của anh T từ Yên Bái lên thăm cháu và đón cháu về quê chơi với Bà vì Bố anh T mới chết, lúc đó chị N với dám về Yên Bái để đón con đi ở cùng với chị. Vì lo sợ cho tính mạng của hai mẹ con không được an toàn nên chị N đã đưa con đi ở và làm việc nơi khác để nuôi con. Trong khi đó anh T luôn luôn đe dọa giết chị và làm nhục con gái của anh chị. Thể hiện đỉnh điểm là việc anh T còn vứt bỏ bát hương mà chị N thờ cúng Bố mẹ đẻ của chị N đã chết (vợ chồng anh chị sinh sống trên tài sản nhà đất mà chị N được thừa kế khi Bố mẹ chị N chết để lại). Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, không ai còn quan T đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐB giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Tòa án đã thông báo cho anh T được biết, nhưng anh T từ chối nhận và anh T không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay chị N có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị N khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin

ly hôn của chị N và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Trần Thành T.

[2.2] Xét về con chung: Chị Vũ Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Tiểu M; sinh ngày 30/10/2017.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của chị N cũng như các chứng cứ kèm theo mà chị N đã nộp cho Tòa án. HĐXX thấy rằng anh T là Bố đẻ của cháu Tiểu M, khi vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, bản thân anh T không tìm hướng giải quyết mà đã có hành động như giam lỏng cháu Tiểu M nhiều ngày trong nhà, cho cháu Tiểu M ăn uống, sinh hoạt không đúng giờ giấc, dùng các lời lẽ tin nhắn zalo đe dọa chị N, chụp lại ảnh cháu M khi đang bị nhốt trong nhà, dọa sẽ làm nhục chính con đẻ của mình, nhằm gây hoang mang, lo sợ cho chị N và gây T lý hoảng loạn cho cháu Tiểu M khi cháu còn quá nhỏ. Điều đó chứng tỏ rằng anh T chưa làm tròn trách nhiệm của một người Bố, thiếu sự yêu thương, chăm sóc đối với chính con đẻ của mình. Vì quá lo sợ cho tính mạng của cả hai mẹ con nên chị N đã phải đưa cháu Tiểu M đi ở và làm việc nơi khác

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N cung cấp cho Tòa án đã được Lãnh đạo Thôn Đ B 1, xã TA, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên và UBND xã TA, huyện ĐB xác nhận thì vợ chồng chị N và anh T khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh chửi vợ, dùng các lời lẽ đe dọa, hiện tại anh chị đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan T đến cuộc sống của nhau nữa, anh T thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị N và Lãnh đạo thôn cũng không biết. HĐXX thấy rằng hiện tại chỉ có chị N mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Tiểu M. Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị N. Giao con chung là cháu Trần Tiểu M cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có khả năng lao động. Anh T có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị N.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Trần Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Tiểu M; sinh ngày 30/10/2017 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005138 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Vũ Thị N và anh Trần Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKSND HĐB;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS HĐB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan